TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HSST
Ngày: 26-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Nga - Cán bộ nghỉ hưu tại xã T, K.
2.Bà Phạm Thị Oanh - Nguyên Hiệu trưởng trưởng tiểu học Dương Quang, huyện K.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, TP. Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2024/TLST-HS ngày 08/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS ngày 11/01/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: ĐÀO ĐỨC H (tên gọi khác: Không), sinh năm 2002; nơi thường trú: Thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 08/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị T; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 24/10/2023, đến ngày 01/11/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2- Công an thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:* Anh Đỗ Xuân T, sinh ngày 26/9/2006. *Người đại diện hợp pháp cho anh T:* Ông Đỗ Xuân D, sinh năm: 1983 (là bố đẻ anh T); Cùng thường trú: Khu 12, Y, H, Phú Thọ. Anh T và ông D có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lưu T H, sinh năm 1983; nơi thường trú: Số 1A ngõ 1k G, phường Thượng T, quận L, Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Người làm chứng:*

- Anh Đỗ Trọng T, sinh năm 1981; nơi thường trú: Tổ 19, Khu 3, Đ, K, Hải Phòng; Chỗ ở: Căn hộ 205A, tòa S1.07 khu đô thị V thuộc xã T, K, Hà Nội (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1997; nơi thường trú: Ninh N, Hiền M, S, Hà Nội (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đào Đức H, sinh năm: 2002, nơi thường trú: Thôn H, T, L, Hà Nam; anh Đỗ Xuân T, sinh ngày 26/9/2006, nơi thường trú: Khu 12, Yên Kỳ, G, Phú Thọ và anh Đỗ Trọng T, sinh năm: 1981, nơi thường trú: Tổ 19, Khu 3, E, M, Hải Phòng là nhân viên của nhà hàng Vườn Bia P, địa chỉ: Khu Hải Âu, khu đô thị V thuộc P, K, Hà Nội cùng ở tại căn hộ 205A, tòa S107 khu đô thị V thuộc xã T, K, Hà Nội. Khoảng 00h00’ ngày 12/10/2023, sau khi tham gia liên hoan tại nhà hàng Vườn Bia thì anh T điều khiển xe môtô nhãn hiệu Honda Vision BKS: 19F1-xx.34 chở anh T về trước và để xe mô tô trên tại vỉa hè trước sảnh tòa nhà S107, sau đó lên căn hộ 205A ngủ. H đi về sau, thấy xe môtô nhãn hiệu Honda Vision BKS: 19F1 - xx.34 của anh T đang dựng ở khu vực vỉa hè trước sảnh tòa nhà. Đến khoảng 06h30’ ngày 12/10/2023, H ngủ dậy thấy anh T và anh T đang ngủ, chìa khóa xe môtô nhãn hiệu Honda Vision BKS: 19F1 - xx.34 của anh T để ở phía cuối giường nên nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. H lấy chìa khóa xe đi xuống sảnh tòa nhà S107 mở khóa điện, khóa cổ và điều khiển xe đi đến một quán Internet ở khu vực S, Hà Đông, Hà Nội để liên lạc và gặp anh Nguyễn Trung H, sinh năm: 1997, nơi cư trú: Ninh N, Hiền Ninh, S, Hà Nội là bạn quen biết xã hội. Đức H nói với Trung H vừa mua được xe nhãn hiệu Honda Vision BKS: 19F1 - xx34 muốn bán. Khoảng 11h00’ ngày 12/10/2023, Đức H sử dụng điện thoại của anh Trung H đăng nhập vào mạng xã hội Facebook liên lạc với anh Lưu T H, sinh năm: 1983, nơi thường trú: Số 131A, ngõ 127 R, T, N, Hà Nội có tài khoản Facebook “X” để bán xe. Anh H đồng ý và hẹn gặp tại số 4I/481 K, J, N, Hà Nội. Khoảng 30 phút sau, Đức H điều khiển xe môtô BKS: 19F1 - xx.34 chở anh Trung H đến gặp anh H. Đức H nói với anh H xe môtô BKS: 19F1 - xx.34 là của Đào Đức H giấy tờ xe đang sử dụng để làm thủ tục rút hồ sơ nên không mang theo. Anh H đồng ý mua với giá 18.000.000 đồng, trả trước 12.000.000 đồng, khi nào H mang giấy tờ xe đến sẽ trả số tiền 6.000.000 đồng. Sau đó, anh H đã bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng, BKS: 19F1-xx.34 cho một người tên Dũng ở khu vực S không rõ nhân thân. Số tiền bán xe Đức H đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 24/10/2023, anh Đỗ Xuân T đến Công an xã T thuộc Công an huyện K trình báo. Cùng ngày 24/10/2023, Đào Đức H đến Công an xã T đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 168/KL-HĐĐGTS ngày 01/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, BKS: 19F1-xx.34, số khung: RLHJK0346NY302317, số máy: JK03E2702365, xe đã qua sử dụng, mua từ tháng 12/2022 có giá trị: 24.500.000 đồng.

Đối với Nguyễn Trung H là người đi cùng Đào Đức H và anh Lưu T H là người mua chiếc xe nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, BKS: 19F1-xx.34 của Đào Đức H đều không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện K không xem xét xử lý.

Đối với đối tượng tên Dũng ở S, Hà Nội là người mua chiếc xe mô tô BKS: 19F1-xx.34 của anh Lưu T H, do không rõ nhân thân, nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện K không có căn cứ xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô Honda Vision, màu trắng, BKS: 19F1 - xx.34 do Đào Đức H trộm cắp, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng chưa thu hồi được, nên không đề cập xử lý. Về trách nhiệm dân sự, anh Đỗ Xuân T yêu cầu bị cáo Đào Đức H phải bồi thường số tiền 30.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 31/12/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố Đào Đức H về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đánh giá chứng cứ, phân tích tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Đề nghị HĐXX: Áp dụng, khoản 1 Điều 173; điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Đào Đức H từ 10 đến 15 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bồi thường cho bị hại anh T trị giá chiếc xe mô tô BKS: 19F1-xx.34 là 30.000.000 đồng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

Tại phiên tòa bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đào Đức H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại anh Đỗ Xuân T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lưu T H và người làm chứng anh Đỗ Trọng T, anh Nguyễn Trung H; phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có đầy đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 06h30' ngày 12/10/2023, tại: Sảnh tòa nhà S107 khu đô thị V thuộc xã T, K, Hà Nội, bị cáo Đào Đức H đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô, nhãn hiệu: Honda Vision, màu trắng, BKS: 19F1-xx.34 của anh Đỗ Xuân T có trị giá 24.500.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Đào Đức H đã phạm vào tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Liên quan trong vụ án này còn có Nguyễn Trung H là người đi cùng bị cáo Đức H để tiêu thụ xe và anh Lưu T H là người mua chiếc xe nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, BKS: 19F1-xx.34 của bị cáo Đức H. Quá trình điều tra xác định: Anh Trung H và anh T H đều không biết tài sản do bị cáo Đức H phạm tội mà có, nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện K không xem xét xử lý là có căn cứ. Đối tượng tên Dũng ở S, Hà Nội là người mua chiếc xe mô tô BKS: 19F1-xx.34

của anh Lưu T H. Quá trình điều tra cũng không xác định được nhân thân, nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện K không có tài liệu xử lý là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần xét xử hành vi này thật nghiêm M trước pháp luật, tạo điều kiện giáo dục bị cáo đồng thời góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4] Xét nhân thân bị cáo thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, sau khi khi phạm tội đã đến cơ quan công an đầu thú. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, điều đó thể hiện sự nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

[5] Về hình phạt: Các tài liệu trong hồ sơ thể hiện bị cáo H không có nơi cư trú ổn định, nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo trở thành người tốt, người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về vật chứng: Chiếc xe mô tô Honda Vision, màu trắng, BKS: 19F1-xx.34 do bị cáo H trộm cắp của anh Đỗ Xuân T, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng chưa thu hồi được, nên không đề cập xử lý trong bản án này.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại anh Đỗ Xuân T yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá chiếc xe mô tô Honda Vision, màu trắng, BKS: 19F1-xx.34 với số tiền là 30.000.000 đồng (yêu cầu này là cao hơn kết luận định giá). Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo H chấp nhận bồi thường cho anh T số tiền 30.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo và bị hại thỏa thuận số tiền bồi thường trên là tự nguyên, phù hợp với pháp luật, nên cần chấp nhận.

[8] Các vấn đề khác: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố: Bị cáo Đào Đức H phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: Bị cáo Đào Đức H 18 *(mười tám)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/10/2023.

** Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng, Điều 589 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Đào Đức H bồi thường cho anh Đỗ Xuân T số tiền 30.000.000đ *(ba mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh T có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo H không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo H còn phải trả cho anh T số tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm trả.

** Về án phí:*

Áp dụng: Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *"Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"*. Bị cáo Đào Đức H phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

** Về quyền kháng cáo:*

Áp dụng: Điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND TP. Hà Nội;*
- *TT lý lịch tư pháp TW-Bộ Tư pháp;*
- *VKSND huyện K;*
- *Công an huyện K;*
- *Chi cục THADS huyện K;*
- *Bị cáo;bị hại;người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *Lưu HSVA, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Việt Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Việt Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Việt Phương

Quá trình điều tra: Nguyễn Văn Hà không thừa nhận hành vi bán ma túy cho Nguyễn Tiến Tỉnh vào ngày 27/7/2020; không thừa nhận số ma túy cơ quan điều tra thu giữ tại gác xép nơi Hà ngủ là ma túy của Hà. Đối với hành vi bán trái phép chất ma túy cho Tỉnh ngoài cuộc điện thoại của Tỉnh cho Hà và lời khai của Hà, không có căn cứ nào khác để xác định Hà bán ma túy cho Tỉnh, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hành vi này. Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Hà, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ như: Biên ban khám xét khẩn cấp, lời khai của người làm chứng Nguyễn Thị Hiều (vợ Hà), của Nguyễn Văn Tiến là đối tượng nghiện Hà cho sử dụng trên gác xép của Hà